

Bản án số: **1074/2018/DS-PT**

Ngày: 21 - 11 - 2018

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Bà Châu Thị Điệp

Ông Lê Thọ Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 419/2018/TLPT-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 311/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4550/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8967/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị My M, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: phường Z, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập tại Phòng Công chứng R, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/10/2018).

2. Bị đơn: Bà Hồ Phương C1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hồ Phương T2, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Phường U, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập tại Văn phòng công chứng V, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/10/2018)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H1: Bà Hồ Phương T2, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Phường U, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập tại Văn phòng công chứng V, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/10/2018)

3.2 Ông Nguyễn Thành T3, sinh năm 1997

Địa chỉ: Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông T3: Bà Hồ Phương T2, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Phường U, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập tại Văn phòng công chứng V, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/10/2018)

3.3 Ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông N1: Bà Võ Thị My M, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: phường Z, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập tại Phòng Công chứng R, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/10/2018).

3.4 Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H2: Bà Võ Thị My M, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: phường Z, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập tại Phòng Công chứng R, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/10/2018).

3.5 Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ: Bà Võ Thị My M, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: phường Z, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền tại Phòng Công chứng R, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/10/2018).

3.6 Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1954

Địa chỉ: Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà N2: Bà Võ Thị My M, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: phường Z, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập tại Văn phòng Công chứng F, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/7/2016).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

- Theo nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và người đại diện hợp pháp là bà Võ Thị My M trình bày:

Căn nhà số X Phường K, quận G là do ông Nguyễn Văn C2 tạo lập từ năm 1977. Ông C2 có vợ trước là bà Phạm Thị N2, ông bà có 4 người con chung là ông Nguyễn Thành N1, bà Nguyễn Thị Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Thành Đ. Năm 1991, ông C2 và bà N2 ly hôn, ông C2 tiếp tục ở căn nhà trên sau đó kết hôn với bà Hồ Phương C1 và có thêm hai người con với bà C1 là bà Nguyễn Thị Ngọc H21, ông Nguyễn Thành T3. Năm 2015, ông C2 chết không để lại di chúc, bà C1 và hai con là ông T3, bà H1 vẫn tiếp tục sử dụng căn nhà trên.

Nay bà T1 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C2 là toàn bộ quyền sử dụng 68,2 m² đất của ông C2 tọa lạc tại số X Phường K, quận G và ½ giá trị phần xây dựng trên đất này cho 07 đồng thừa kế của ông C2 gồm 06 người con của ông C2 và bà Hồ Phương C1 theo quy định pháp luật.

- Theo bị đơn là bà Hồ Phương C1 và người đại diện hợp pháp là bà Hồ Phương T2 trình bày:

Bà kết hôn với ông C2 và về sống tại căn nhà số X Phường K, quận G từ năm 1991, bà và ông C2 có 2 con chung như nguyên đơn trình bày. Năm 2005, căn nhà bị xuống cấp, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bà là hộ nghèo nên được Ủy ban nhân dân quận G trao tặng nhà tình thương theo Quyết định số 778/QĐ-UB ngày 19/7/2005 với diện tích xây dựng là 22,4m², số tiền xây dựng là 36.000.000 đồng. Bà và ông C2 phải đi vay mượn thêm số tiền 70.000.000 đồng để xây dựng lại với tổng diện tích khoảng 60m². Hiện nay gia đình bà rất khó khăn, bản thân bà bị bệnh tiểu đường, hoại tử cưa chân tới gần đầu gối không đi làm được, con trai đang đi học, chỉ sống nhờ lương của đứa con gái làm công N1. Bà xin được tiếp tục sinh sống dưới mái ấm tình thương được trao tặng, không đồng ý chia thừa kế. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà C1 là bà Hồ Phương T2 xác nhận toàn bộ diện tích đất và ½ giá trị nhà là di sản thừa kế ông C2 và đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn nhưng có nguyện vọng xin được nhận nhà và hoàn tiền lại cho các đồng thừa kế trong thời hạn 01 tháng.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thành N1, ông Nguyễn Thành Đ, bà Phạm Thị N2, có người đại diện hợp pháp là bà Võ Thị My M trình bày: thống nhất với ý kiến và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Ngọc H21, ông Nguyễn Thành T3, có người đại diện hợp pháp tại tòa sơ thẩm là bà Hồ Phương T2, ông Hồ Xuân P đại diện cùng trình bày: thống nhất với ý kiến của bị đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 311/2018/DS-ST ngày 19/07/2018 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đối với bị đơn bà Hồ Phương C1 về việc chia thừa kế là nhà, đất tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và ½ giá trị phần xây dựng trên đất này là di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn C2 để lại.

Công nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn C2 gồm: Bà Hồ Phương C1, ông Nguyễn Thành N1, bà Nguyễn Thị Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H21 và ông Nguyễn Thành T3.

Bà C1, ông N1, bà H2, bà T1, ông Đ, bà H1 và ông T3 mỗi người được chia thừa kế là 14,285% giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (tương đương 146.142.857 đồng) và 7,142% giá trị phần xây dựng trên đất này (tương đương 9.217.826 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của đại diện nguyên đơn về việc giao toàn quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với nhà đất số 525/34 (số cũ 40/6) Quang Trung, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà T1, ông N1, bà H2 và ông Đ.

Giao cho bà Hồ Phương C1, bà Nguyễn Thị Ngọc H21 và ông Nguyễn Thành T3 được toàn quyền sở hữu nhà đất tọa lạc tại số 525/34 (số cũ 40/6) Quang Trung, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; sau khi liên đới thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại mỗi kỳ phần là 14,285% giá trị quyền sử dụng đất (tương đương 146.142.857 đồng) và 7,142% giá trị phần xây dựng trên đất này (tương đương 9.217.826 đồng) trong thời hạn 01 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau thời hạn 01 tháng, nếu bà C1, bà H1 và ông T3 không liên đới thực hiện thanh toán tiền cho các đồng thừa kế còn lại, thì các đồng thừa kế còn lại có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc phát mãi, số tiền còn lại các đương sự sẽ được nhận theo tỉ lệ phần trăm đã chia, tính trên giá trị nhà đất tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, án phí, chi phí tố tụng khác và quy định về thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 31/7/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 nộp đơn kháng cáo đề ngày 30/7/2018, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bà Võ Thị My M là người đại diện hợp pháp của người kháng cáo (bà Nguyễn Thị Ngọc T1), đồng thời đại diện cho những người liên quan gồm bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thành N1, ông Nguyễn Thành Đ, bà Phạm Thị N2 trình bày:

Thông nhất về di sản thừa kế, hàng thừa kế, kỹ phần thừa kế mà mỗi người thừa kế của ông C2 được hưởng, đồng ý giao tài sản thừa kế cho mẹ con bà C1 tiếp tục sử dụng và mẹ con bà C1 chịu trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà T1, bà H2, ông Đ, ông N1 như bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Tuy nhiên, theo nguyên đơn ước tính thì tài sản tranh chấp thừa kế là nhà đất tọa lạc tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá hiện nay khoảng 2.500.000.000 đồng, do đó nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho định giá lại tài sản tranh chấp để làm cơ sở phân chia thừa kế cho các đồng thừa kế được chính xác; trường hợp nếu định giá lại mà giá trị tài sản tranh chấp có tăng lên hay giảm xuống thì phía nguyên đơn và những người liên quan do bà M đại diện vẫn chấp nhận theo kết quả định giá mới. Bà M cũng trình bày: lúc định giá có nói “sẽ có ý kiến về giá và thời điểm xây dựng cho tòa sau” nhưng thực tế sau đó bà chưa có ý kiến nào bằng văn bản thể hiện không đồng ý về giá và tại phiên tòa phúc thẩm bà không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện giá tài sản có thay đổi để cung cấp cho tòa nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu xin định giá lại tài sản tranh chấp.

- Bị đơn là bà Hồ Phương C1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Ngọc H21, ông Nguyễn Thành T3, có người đại diện hợp pháp là bà Hồ Phương T2 đại diện trình bày:

Thông nhất về di sản thừa kế, hàng thừa kế, kỹ phần thừa kế mà mỗi người thừa kế của ông C2 được hưởng, giao tài sản thừa kế cho mẹ con bà C1 tiếp tục sử dụng và mẹ con bà C1 chịu trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà T1, bà H2, ông Đ, ông N1 như bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Bị đơn, bà H1, ông T3 không đồng ý với yêu cầu đòi định giá lại tài sản tranh chấp mà nguyên đơn đưa ra vì nhà đất trên đã được định giá lần 1 vào tháng 5/2017, trước khi vụ án được xét xử sơ thẩm, tòa án đã cho định giá lại vào ngày 01/6/2018; nhà đất tranh chấp số X Phường K, quận G hiện không có giấy tờ chủ quyền, lại nằm trong quy hoạch lộ giới và bị khống chế bởi quy định về đường tỉnh không (do nhà nằm gần sân bay Tân Sơn Nhất) nên Hội đồng định giá ngày 01/6/2018 xác định tổng trị giá nhà đất 1.152.049.557 đồng là đúng giá thị trường; bị đơn không đồng ý định giá lại.

Về thời gian: Bà C1, bà H1, ông T3 đồng ý thanh toán kỷ phần thừa kế như quyết định của bản án sơ thẩm cho các đồng thừa kế gồm bà T1, bà H2, ông N1, ông Đ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: các đương sự thống nhất về di sản thừa kế và phân chia thừa kế như bản án sơ thẩm tuyên, nguyên đơn cho rằng trị giá tài sản tranh chấp thực tế cao hơn kết quả định giá ngày 01/6/2018 nên kháng cáo yêu cầu tòa án cho định giá lại tài sản tranh chấp làm cơ sở sửa bản án sơ thẩm, phân chia thừa kế theo kết quả định giá mới dù cao hay thấp hơn kết quả định giá ngày 01/6/2018. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm đã hoãn phiên tòa ngày 16/4/2018 để giải quyết yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp thừa kế theo yêu cầu nguyên đơn và tiến hành định giá ngày 01/6/2018; khi định giá xong phía nguyên đơn cũng không có ý kiến gì về kết quả định giá, nay tự đưa ra mức trị giá tài sản tranh chấp hiện nay là 2.500.000.000 đồng, nhưng không có bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh kết quả định giá ngày 01/6/2018 là thấp, đây chỉ là giá do nguyên đơn tự ước tính do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp; về thời gian thanh toán kỷ phần cho các đồng thừa kế bà C1, bà H1, ông T3 đồng ý thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định pháp luật, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: về thời hạn bà C1, bà H1, ông T3 thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế T1, H2, N1, Đ; các nội dung khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 làm trong hạn luật định, đã tạm nộp án phí phúc thẩm, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét thấy, về nội dung vụ án, các đương sự thống nhất:

Ông Nguyễn Văn C2 chết năm 2015 không để lại di chúc; di sản thừa kế do ông C2 để lại gồm toàn bộ quyền sử dụng 68,2 m² đất tọa lạc tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và ½ giá trị phần xây dựng trên phần đất này. Ông C2 có vợ trước là bà Phạm Thị N2, ông bà có 4 người con chung là ông Nguyễn Thành N1, bà Nguyễn Thị Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Thảo và ông Nguyễn Thành Đ. Năm 1991 ông C2, bà N2 ly hôn, ông C2 sau đó kết hôn với

bà Hồ Phương C1 và có thêm hai người con với bà C1 là bà Nguyễn Thị Ngọc H21, ông Nguyễn Thành T3. Cha mẹ của ông C2 đều đã chết, ngoài 6 người con trên thì ông C2 không có người con nào khác, do đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông C2 theo quy định pháp luật hiện nay có 7 người gồm bà Nguyễn Thị Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thành N1, ông Nguyễn Thành Đ, bà Hồ Phương C1, bà Nguyễn Thị Ngọc H21 và ông Nguyễn Thành T3.

Nay bà T1 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C2 theo quy định pháp luật, Bản án số 311/2018/DS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân quận G đã tuyên xử bà C1, ông T3, bà H1 được nhận tài sản thừa kế của ông C2 bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế gồm bà T1, bà H2, ông N1, ông Đ mỗi người một kỷ phần bằng 14,285% giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và 7,142% giá trị phần xây dựng trên đất này; do đó về di sản thừa kế, hàng thừa kế, tỉ lệ và cách thức phân chia kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đòi định giá lại tài sản tranh chấp, từ đó sửa bản án sơ thẩm về trị giá kỷ phần thừa kế mỗi người được hưởng, xét thấy:

Theo yêu cầu của nguyên đơn, tòa sơ thẩm đã tiến hành định giá tài sản tranh chấp thừa kế là nhà đất số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ nhất vào ngày 19/5/2017 (bút lục 117); ngày 28/02/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/4/2018, bà M đại diện nguyên đơn yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp vì cho rằng kết quả định giá ngày 19/5/2017 đã lâu, giá có thể thay đổi, hội đồng xét xử sơ thẩm đã hoãn phiên tòa sơ thẩm để giải quyết yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp của nguyên đơn do bà M đại diện. Căn cứ quy định tại Điều 97, 104 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận G đã ra Quyết định định giá tài sản số 67/2018/QĐ-ĐGTS ngày 18/5/2018, nội dung thành lập hội đồng định giá tài sản là nhà đất tọa lạc tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh gồm đại diện các Phòng Tài chính kế hoạch, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường của Ủy ban nhân dân quận G, thời gian định giá vào ngày 25/5/2018, tuy nhiên sau đó dời lại vào ngày 01/6/2018 do một bên đương sự (bà T2) bận việc không thể tham dự việc định giá vào ngày 25/5/2018.

Ngày 01/6/2018, hội đồng định giá với thành phần hội đồng đúng theo Quyết định định giá tài sản số 67/2018/QĐ-ĐGTS ngày 18/5/2018 nói trên của tòa sơ thẩm đã tiến hành định giá tài sản tranh chấp và đưa ra mức giá là 1.152.049.557 đồng, việc định giá được lập thành biên bản, trên đó nêu rõ hồ sơ pháp lý làm căn cứ định giá, yếu tố ảnh hưởng đến trị giá tài sản định giá: *khu đất nằm hoàn toàn trong đường dự phóng 12m theo Công văn số 169/QLĐT ngày 16/3/2017 của Phòng Quản lý đô thị quận G, bị hạn chế chiều cao xây dựng do ảnh hưởng đường bay Tân Sơn Nhất và đương sự chưa lập thủ tục xin*

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất... (trích biên bản định giá 01/6/2018, bút lục 139-140), biên bản định giá được thông qua chính quyền địa phương theo quy định và có sự chứng kiến việc định giá của đại diện Ủy ban nhân dân Phường K, quận G (nơi tọa lạc nhà đất tranh chấp thừa kế), đại diện Tòa án sơ thẩm, đại diện của các đương sự gồm bà Võ Thị My M và bà Hồ Phương T2; Như vậy, Hội đồng định giá ngày 01/6/2018 được thành lập hợp pháp, tiến hành định giá đúng theo quy định pháp luật, khi định giá bà M cũng có mặt nhưng không có ý kiến gì về kết quả định giá. Tại phiên tòa phúc thẩm bà M cũng thừa nhận từ sau khi định giá ngày 01/6/2018 cho đến ngày Tòa án sơ thẩm xét xử xong bà chưa có ý kiến nào bằng văn bản thể hiện không đồng ý với kết quả định giá.

Xét thấy thời điểm định giá đến nay chưa lâu, ngoài lời trình bày và tự ước tính trị giá tài sản tranh chấp là 2.500.000.000 đồng ra thì bà T1, bà M không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh kết quả định giá ngày 01/6/2018 là thấp và nay có sự thay đổi về giá; do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo đòi định giá lại tài sản tranh chấp thừa kế của nguyên đơn. Về thời hạn thanh toán kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế là bà T1, bà H2, ông N1, ông Đ; bà C1, bà H1 và ông T3 có bà T2 làm đại diện đồng ý thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho các đồng thừa kế T1, N1, H2, Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về thời hạn thanh toán kỹ phần thừa kế của mẹ con bà C1 cho các đồng thừa kế khác, các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo vẫn giữ nguyên, như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia, theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, Điều 148, Điều 296, Điều 306, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí lệ phí tòa án và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 được chấp nhận về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T1. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 311/2018/DS-ST ngày 19/07/2018 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đối với bị đơn bà Hồ Phương C1 về việc chia thừa kế phần đất tọa lạc tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và ½ giá trị phần xây dựng trên đất này là di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn C2 để lại.

Công nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn C2 gồm: Bà Hồ Phương C1, ông Nguyễn Thành N1, bà Nguyễn Thị Ngọc H2, bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc H21 và ông Nguyễn Thành T3.

Bà C1, ông N1, bà H2, bà T1, ông Đ, bà H1 và ông T3 mỗi người được chia thừa kế là 14,285% giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (tương đương 146.142.857 đồng) và 7,142% giá trị phần xây dựng trên đất này (tương đương 9.217.826 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của đại diện nguyên đơn về việc giao toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với nhà đất số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà T1, ông N1, bà H2 và ông Đ.

Giao cho bà Hồ Phương C1, bà Nguyễn Thị Ngọc H21 và ông Nguyễn Thành T3 được toàn quyền sở hữu nhà đất tọa lạc tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; sau khi liên đới thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại mỗi người một kỹ phần là 14,285% giá trị quyền sử dụng đất (tương đương 146.142.857 đồng) và 7,142% giá trị phần xây dựng trên đất này (tương đương 9.217.826 đồng), thời hạn thanh toán là ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau thời hạn 01 tháng, nếu bà C1, bà H1 và ông T3 không liên đới thực hiện thanh toán tiền cho các đồng thừa kế còn lại, thì các đồng thừa kế còn lại có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà đất tại số X Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc phát mãi, số tiền còn lại các đương sự sẽ được nhận theo tỉ lệ phần trăm đã chia, tính trên giá trị nhà đất tại thời điểm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T1 phải chịu 7.768.034 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016278 ngày 23/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân

sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T1 còn phải nộp thêm 268.034 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà C1, ông N1, bà H1, bà H2, ông T3, ông Đ mỗi người phải chịu 7.768.034 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: bà T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2017/0029819 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chi phí tố tụng khác: Bà T1, bà C1, bà H2, bà H1, ông N1, ông T3, ông Đ mỗi người phải chịu 933.724 đồng chi phí đo vẽ và định giá tài sản. Bà T1 đã tạm ứng 6.536.070 đồng, do đó các đồng thừa kế còn lại gồm bà C1, bà H2, bà H1, ông N1, ông T3, ông Đ mỗi người phải hoàn lại cho bà T1 số tiền 933.724 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận G;
- TAND quận G;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/22).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương

